

Số: /TB-SKHĐT

Hà Nam, ngày tháng 3 năm 2023

**THÔNG BÁO MỜI QUAN TÂM
DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT**

Kính gửi: Các nhà đầu tư quan tâm

Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 1083/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao; số 1266/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao; số 2361/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên; số 305/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên;

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam mời các nhà đầu tư quan tâm nộp hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên với các thông tin như sau (theo Quyết định số 2361/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án):

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 và điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao được phê duyệt. Đầu tư xây dựng khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực. Dự án hoàn thành sẽ tạo ra một khu nhà ở đô thị văn minh, hiện đại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và các công trình hạ tầng xã hội, tiện ích công cộng đô thị đầy đủ, hiện đại đáp ứng nhu cầu cho người dân trong khu vực, góp phần chỉnh trang đô thị và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu; góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung đồng bộ trong Khu Đại học Nam Cao trên địa bàn thị xã Duy Tiên, nhằm đáp ứng yêu cầu thu hút, triển

khai đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo theo mục tiêu Đề án phát triển Khu đại học Nam Cao và Quy hoạch khu đô thị Đại học đã được phê duyệt.

3. Quy mô dự án:

3.1. Diện tích, cơ cấu sử dụng đất:

- Diện tích nghiên cứu dự án theo quy hoạch: khoảng 126,77 ha; Diện tích sử dụng đất Dự án khoảng 101,48 ha (*đối với diện tích đất khu dân cư hiện trạng, khu đất có chức năng nghĩa trang... giữ nguyên; đối với diện tích đất thực hiện các công trình hạ tầng khung trong Khu đại học Nam Cao đang thực hiện dở dang được đầu tư từ ngân sách Nhà nước bằng dự án đầu tư công riêng*).

- Diện tích đất cần thu hồi theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND tỉnh khoảng 101,48 ha.

3.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

Quy mô đầu tư các hạng mục công trình gồm:

a) San nền:

Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án, chủ đầu tư phải bóc riêng tầng đất mặt với độ sâu khoảng 20 - 25cm (*tính từ mặt đất*) để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. Cao độ san nền theo quy hoạch và đảm bảo kết nối đồng bộ với khu dân cư hiện trạng. Đối với các công trình không đầu tư xây dựng trong dự án, bàn giao quỹ đất cho địa phương quản lý: không thực hiện san nền, chỉ san gạt, tạo mặt bằng sạch để phục vụ công tác quản lý, thu hút đầu tư theo quy định.

b) Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông: gồm hệ thống đường giao thông đối nội trên cơ sở tuân thủ các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch phân khu 1/2000 được duyệt, kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông trong khu vực; Hệ thống giao thông đối ngoại kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng khung trong Khu đại học Nam Cao và hệ thống tuyến đường trục đã và đang triển khai đầu tư thuộc các dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đại học Nam Cao.

- Bãi đỗ xe, hệ thống cấp nước sinh hoạt và cứu hỏa, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và quản lý chất thải rắn, hoàn trả kênh mương, cải tạo, kiên cố hóa kênh A4-8, A4-6 đảm bảo đồng bộ hệ thống tiêu thoát nước trong khu vực đồng bộ, công viên cây xanh, hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng, cây xanh cảnh quan mặt nước... trên cơ sở tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch phân khu 1/2000 được duyệt.

- Hệ thống thoát nước thải tại dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 19.000m³/ngày đêm tại ô đất A.HTKT-01 theo quy hoạch phân khu Khu đô thị Đại học Nam Cao.

(Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện các trình tự thỏa thuận đấu nối giao thông, cấp điện, thủy lợi, cấp, thoát nước... theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung trong khu vực)

3.3. Công trình đơn vị ở:

- Đề xuất đầu tư xây dựng (xây thô, hoàn thiện mặt ngoài) các công trình nhà ở thấp tầng (nhà ở liền kề) tại tuyến đường trục chính với khoảng 451 căn nhà/1.473 lô đất ở theo quy hoạch với tổng diện tích khoảng 58.986m² (chiếm tỷ lệ khoảng 33% tổng diện tích đất ở liền kề, biệt thự), tầng cao dự kiến 04 tầng, mật độ xây dựng khoảng từ 85- 100%.

- Khu nhà ở cao tầng: Đầu tư xây dựng hoàn thiện chung cư cao tầng (tại một phần ô đất B.OM-01, B.OM-02), tổng diện tích đất khoảng 7.890,1 m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao dự kiến khoảng 15 tầng nổi (03 tầng dịch vụ thương mại, 12 tầng ở) và 02 tầng hầm với khoảng 380 căn hộ.

- Khu đất ở tái định cư: gồm các lô tái định cư tại một phần ô đất ký hiệu A.OM01 với tổng diện tích đất ở tái định cư khoảng 6.272m² (tương đương khoảng 3% tổng diện tích đất ở liền kề, biệt thự); sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý để bố trí đất tái định cư cho các hộ dân theo quy định.

3.4. Công trình hạ tầng xã hội, công cộng khác:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các trường mầm non (tại các ô đất A.MG-01, A.MG-02) diện tích khoảng 9.617m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao dự kiến 02 tầng;

- Các công trình trong các khu chức năng cơ bản: Trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (tại ô đất A.GD01, A.GD04, A.GD06); Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng (tại ô đất ký hiệu A.NC03); khu trung tâm điều hành, trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại (tại ô đất A.TT02); Đất bến xe, đỗ xe ngầm và hạ tầng kỹ thuật khác (thuộc ô đất B-HTKT01); Đất giáo dục (trường trung học phổ thông tại ô đất B.THPT01); Đất công cộng dịch vụ gồm phòng trực đội phòng cháy chữa cháy, nhà văn hóa, đất y tế (tại ô đất A.CCDV01 đến A.CCDV04)... sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý, thu hút đầu tư theo quy hoạch ngành, lĩnh vực phù hợp.

(Quy mô, kết cấu, thiết kế các hạng mục công trình trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch phân khu 1/2000 đã được phê duyệt, được xác định chi tiết tại bước lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án, đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành theo pháp luật về quy hoạch, xây dựng, đô thị, nhà ở...).

4. Tổng vốn đầu tư khoảng 3.330.236,0 triệu đồng, trong đó:

- Chi phí giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư: 450.564,0 triệu đồng.

- Sơ bộ chi phí thực hiện dự án (không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) khoảng 2.858.645,0 triệu đồng;

- Chi phí phát triển đất trồng lúa: 21.027,0 triệu đồng;
(*Tổng mức đầu tư là dự kiến, làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư, không sử dụng để tính toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện. Việc xác định tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật.*)

5. Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2022 - 2028.

(*Việc phân kỳ đầu tư, tiến độ đầu tư cụ thể do nhà đầu tư được lựa chọn phối hợp với các cơ quan nhà nước liên quan xác định chi tiết trong Báo cáo nghiên cứu khả thi, phù hợp với tiến độ, thời gian thực hiện dự án trong nội dung Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng theo khoản 9 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các quy định khác có liên quan*)

6. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm (kể từ ngày nhà đầu tư được giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền).

7. Địa điểm thực hiện và vị trí, ranh giới dự án:

7.1. *Địa điểm:* xã Tiên Ngoại, phường Hoàng Đông, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên.

7.2. *Vị trí, ranh giới:*

- Phía Bắc: giáp đường N1 (42m theo Quy hoạch phân khu);
- Phía Nam: giáp đường T3 (25m); đường 42m; đất hỗn hợp đào tạo nghiên cứu ứng dụng (*theo Quy hoạch phân khu*);
- Phía Đông: giáp đường gom cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình;
- Phía Tây: giáp quốc lộ 1A, đường D1 (68m theo Quy hoạch phân khu).

8. Mục đích sử dụng đất: Đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên; cơ cấu sử dụng đất theo các chỉ tiêu của điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Đại học đã được phê duyệt, chủ trương đầu tư dự án đã được chấp thuận và đề xuất thực hiện dự án, bao gồm:

- Đất các khu chức năng cơ bản, diện tích khoảng 50,78ha, gồm: Đất trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; đất khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng, thương mại; Đất công viên cây xanh; Mặt nước (*Kênh A4-8*);

- Đất ở khoảng 60,54ha gồm: Đất ở hiện trạng; Đất nhóm ở mới; Đất công cộng dịch vụ; Đất giáo dục; Đất cây xanh đơn vị ở; Đất nghĩa trang;

- Đất khác khoảng 15,45ha bao gồm: Đất bãi đỗ xe; Đất công trình đầu mối HTKT (*bãi xe, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác*); Đất hành lang cây xanh cách ly, Đất mặt nước (*đoạn kênh A4-6*); Đất giao thông khu vực.

9. Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án: 15h00 ngày 25/4/2023.

10. Ban hành kèm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam:
số 2361/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên; số 305/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên.

11. Thông tin liên hệ:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam. Địa chỉ: Số 15, đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Số điện thoại: 0226.3852.701.

- Số fax: 0226.3852.701.

- Tải tệp tin (*file*) hồ sơ trên Hệ thống đấu thầu quốc gia để làm cơ sở lập hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tại địa chỉ: <http://muasamcong.mpi.gov.vn>.

- Thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số theo quy định (*nhà đầu tư thực hiện theo hướng dẫn tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn>*).

- Các thông tin khác về dự án: theo quyết định phê duyệt quy hoạch và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh Hà Nam.

12. Nhà đầu tư quan tâm, có nhu cầu đăng ký thực hiện dự án phải thực hiện các thủ tục để được cấp chứng thư số và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đề nghị Quý Nhà đầu tư quan tâm, đăng ký./.

(Đính kèm các tài liệu liên quan)

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để b/cáo*);
- Như kính gửi;
- BQLKĐH Nam Cao (*để p/hợp*);
- Lưu VT, KTN.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Lượng

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM NHÀ ĐẦU TƯ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên.

Ban hành kèm theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: số 1083/QĐ-UBND ngày 16/8/2012 về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao; số 1266/QĐ-UBND ngày 21/6/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao; số 2361/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên; số 305/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 về việc phê duyệt yêu cầu sơ bộ năng lực kinh nghiệm của nhà đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên.

Chương I CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Nội dung mời quan tâm

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam mời nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị Đại học Nam Cao địa phận thị xã Duy Tiên.

1.1. Thông tin về dự án:

a) Mục tiêu đầu tư:

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung thị xã Duy Tiên đến năm 2030 tầm nhìn đến 2050 và điều chỉnh Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao được phê duyệt. Đầu tư xây dựng khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối với các dự án đã và đang triển khai trong khu vực. Dự án hoàn thành sẽ tạo ra một khu nhà ở đô thị văn minh, hiện đại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và các công trình hạ tầng xã hội, tiện ích công cộng đô thị đầy đủ, hiện đại đáp ứng nhu cầu cho người dân trong khu vực, góp phần chỉnh trang đô thị và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

- Tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư các cơ sở giáo dục đào tạo, nghiên cứu; góp phần hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật khung đồng bộ trong Khu Đại học Nam Cao trên địa bàn thị xã Duy Tiên, nhằm đáp ứng yêu cầu thu hút, triển khai đầu tư xây dựng các cơ sở giáo dục đào tạo theo mục tiêu Đề án phát triển Khu đại học Nam Cao và Quy hoạch khu đô thị Đại học đã được phê duyệt.

b) Quy mô dự án:

b.1) Quy mô dân số: Dự kiến quy mô dân số khoảng 9.338 người;

b.2) Quy mô đất thực hiện Dự án:

- Diện tích nghiên cứu dự án theo quy hoạch: khoảng 126,77 ha; Diện tích sử dụng đất Dự án khoảng 101,48 ha (*đối với diện tích đất khu dân cư hiện trạng, khu đất có chức năng nghĩa trang... giữ nguyên; đối với diện tích đất thực hiện các công trình hạ tầng khung trong Khu đại học Nam Cao đang thực hiện dở dang được đầu tư từ ngân sách Nhà nước bằng dự án đầu tư công riêng*).

- Diện tích đất cần thu hồi theo Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 21/10/2022 của HĐND tỉnh khoảng 101,48 ha.

- Cơ cấu sử dụng đất gồm:

+ Đất các khu chức năng cơ bản, diện tích khoảng 50,78ha, gồm: Đất trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; đất khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng, thương mại; Đất công viên cây xanh; Mặt nước (*Kênh A4-8*);

+ Đất ở khoảng 60,54ha gồm: Đất ở hiện trạng; Đất nhóm ở mới; Đất công cộng dịch vụ; Đất giáo dục; Đất cây xanh đơn vị ở; Đất nghĩa trang;

+ Đất khác khoảng 15,45ha bao gồm: Đất bãi đỗ xe; Đất công trình đầu mối HTKT (*bãi xe, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác*); Đất hành lang cây xanh cách ly, Đất mặt nước (*đoạn kênh A4-6*); Đất giao thông khu vực.

b.3) Quy mô đầu tư:

* Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- San nền: Trước khi triển khai thi công các hạng mục công trình của dự án, chủ đầu tư phải bóc riêng tầng đất mặt với độ sâu khoảng 20 - 25cm (*tính từ mặt đất*) để sử dụng vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác. Cao độ san nền theo quy hoạch và đảm bảo kết nối đồng bộ với khu dân cư hiện trạng. Đối với các công trình không đầu tư xây dựng trong dự án, bàn giao quỹ đất cho địa phương quản lý: không thực hiện san nền, chỉ san gạt, tạo mặt bằng sạch để phục vụ công tác quản lý, thu hút đầu tư theo quy định.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

+ Đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông: gồm hệ thống đường giao thông đối nội trên cơ sở tuân thủ các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch phân khu 1/2.000 được duyệt, kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông trong khu vực; Hệ thống giao thông đối ngoại kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng khung trong Khu đại học Nam Cao và hệ thống tuyến đường trục đã và đang triển khai đầu tư thuộc các dự án hạ tầng kỹ thuật trong Khu đại học Nam Cao.

+ Bãi đỗ xe, hệ thống cấp nước sinh hoạt và cứu hỏa, hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải và quản lý chất thải rắn, hoàn trả kênh mương, cải

tạo, kiên cố hóa kênh A4-8, A4-6 đảm bảo đồng bộ hệ thống tiêu thoát nước trong khu vực đồng bộ, công viên cây xanh, hệ thống cấp điện, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống chiếu sáng, cây xanh cảnh quan mặt nước... trên cơ sở tuân thủ các chỉ tiêu quy hoạch phân khu 1/2000 được duyệt.

+ Hệ thống thoát nước thải tại dự án được thu gom về trạm xử lý nước thải công suất 19.000m³/ngày đêm tại ô đất A.HTKT-01 theo quy hoạch phân khu Khu đô thị Đại học Nam Cao.

(Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện các trình tự thỏa thuận đấu nối giao thông, cấp điện, thủy lợi, cấp, thoát nước... theo quy định trước khi triển khai thực hiện dự án, đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung trong khu vực)

* Công trình đơn vị ở:

- Đầu tư xây dựng (xây thô, hoàn thiện mặt ngoài) các công trình nhà ở thấp tầng (nhà ở liền kề) tại tuyến đường trục chính với khoảng 451 căn nhà/ 1.473 lô đất ở theo quy hoạch với tổng diện tích khoảng 58.986m² (chiếm tỷ lệ khoảng 33% tổng diện tích đất ở liền kề, biệt thự), tầng cao dự kiến 04 tầng, mật độ xây dựng khoảng từ 85- 100%.

- Khu nhà ở cao tầng: Đầu tư xây dựng hoàn thiện chung cư cao tầng (tại một phần ô đất B.OM-01, B.OM-02), tổng diện tích đất khoảng 7.890,1 m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao dự kiến khoảng 15 tầng nổi (03 tầng dịch vụ thương mại, 12 tầng ở) và 02 tầng hầm với khoảng 380 căn hộ.

- Khu đất ở tái định cư: gồm các lô tái định cư tại một phần ô đất ký hiệu A.OM01 với tổng diện tích đất ở tái định cư khoảng 6.272m² (trong đó khoảng 3% tổng diện tích đất ở liền kề, biệt thự); sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý để bố trí đất tái định cư cho các hộ dân theo quy định.

* Công trình hạ tầng xã hội, công cộng khác:

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện các công trình trường mầm non (tại các ô đất A.MG-01, A.MG-02) với diện tích khoảng 9.617m², mật độ xây dựng khoảng 40%, tầng cao dự kiến 02 tầng;

- Các công trình trong các khu chức năng cơ bản: Trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (tại ô đất A.GD01, A.GD04, A.GD06); Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng (tại ô đất ký hiệu A.NC03); khu trung tâm điều hành, trung tâm dịch vụ công cộng, thương mại (tại ô đất A.TT02); Đất bến xe, đỗ xe ngầm và hạ tầng kỹ thuật khác (thuộc ô đất B-HTKT01); Đất giáo dục (trường trung học phổ thông tại ô đất B.THPT01); Đất công cộng dịch vụ gồm phòng trực đội phòng cháy chữa cháy, nhà văn hóa, đất y tế (tại ô đất A.CCDV01 đến A.CCDV04)... sau khi hoàn thành giải phóng mặt bằng, bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý, thu hút đầu tư theo quy hoạch ngành, lĩnh vực phù hợp.

(Quy mô, kết cấu, thiết kế các hạng mục công trình trên cơ sở tuân thủ chỉ tiêu quy hoạch phân khu 1/2000 đã được phê duyệt, được xác định chi tiết tại

bước lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án, đảm bảo tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành theo pháp luật về quy hoạch, xây dựng, đô thị, nhà ở...).

c) *Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 3.330.236,0 triệu đồng, trong đó: Chi phí GPMB dự kiến: 450.564,0 triệu đồng*

(Tổng mức đầu tư là dự kiến, làm cơ sở lựa chọn nhà đầu tư, không sử dụng để tính toán tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư được lựa chọn thực hiện. Việc xác định tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định của pháp luật.)

d) *Tiến độ thực hiện dự án: Từ năm 2022 - 2028.*

đ) *Thời hạn hoạt động của dự án: 50 năm (kể từ ngày nhà đầu tư được giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất của cấp có thẩm quyền).*

e) *Địa điểm thực hiện dự án: thuộc địa bàn xã Tiên Ngoại, phường Hoàng Đông, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên.*

g) *Diện tích khu đất: Diện tích nghiên cứu Dự án theo quy hoạch: khoảng 126,77 ha; Diện tích sử dụng đất thuộc phạm vi Dự án khoảng 101,48 ha.*

h) *Mục đích sử dụng đất: gồm nhóm Đất trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; đất khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng, thương mại; Đất công viên cây xanh; Mặt nước (Kênh A4-8); Đất ở hiện trạng; Đất nhóm ở mới; Đất công cộng dịch vụ; Đất giáo dục; Đất cây xanh đơn vị ở; Đất nghĩa trang; Đất bãi đỗ xe; Đất công trình đầu mối HTKT (bãi xe, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác); Đất hành lang cây xanh cách ly, Đất mặt nước (đoạn kênh A4-6); Đất giao thông khu vực.*

i) *Các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt: Tuân thủ theo các chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được phê duyệt, cụ thể như sau:*

- Cơ cấu sử dụng đất bao gồm:

- Đất các khu chức năng cơ bản, diện tích khoảng 50,78ha, gồm: Đất trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp; Đất hỗn hợp đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; đất khu trung tâm điều hành, dịch vụ công cộng, thương mại; Đất công viên cây xanh; Mặt nước (Kênh A4-8);

- Đất ở khoảng 60,54ha gồm: Đất ở hiện trạng; Đất nhóm ở mới; Đất công cộng dịch vụ; Đất giáo dục; Đất cây xanh đơn vị ở; Đất nghĩa trang;

- Đất khác khoảng 15,45ha bao gồm: Đất bãi đỗ xe; Đất công trình đầu mối HTKT (bãi xe, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật khác); Đất hành lang cây xanh cách ly, Đất mặt nước (đoạn kênh A4-6); Đất giao thông khu vực.- Các chỉ tiêu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị, quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: tuân thủ theo quy định tại quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 được duyệt.

k) *Hiện trạng khu đất*: Đất chưa giải phóng mặt bằng. Cơ cấu sử dụng đất hiện trạng gồm đất ở hiện trạng khoảng 23ha; đất trồng lúa khoảng 70ha; đất xây dựng công trình sự nghiệp (*cơ sở văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục đào tạo*) khoảng 0,2ha; Đất nuôi trồng thủy sản khoảng 16,7ha; đất nghĩa trang khoảng 2,5ha; Đất giao thông khoảng 14,3ha.

l) *Các thông tin khác về dự án*: theo Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Đại học Nam Cao được phê duyệt và quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

m) *Thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án*: 15h00 ngày 26/4/2023.

1.2. Yêu cầu đối với nhà đầu tư thực hiện Dự án:

Nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án phải đảm bảo đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, đấu thầu, đất đai và các pháp luật khác có liên quan; cụ thể:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu, nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

- Hạch toán tài chính độc lập;

- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

- Nhà đầu tư tham dự thầu độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên mời thầu theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Luật Đấu thầu và Điều 2 Nghị định 25/2020/NĐ-CP;

- Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

- Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp đang sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành. Nhà đầu tư có trách nhiệm kê khai các dự án sử dụng đất do nhà nước giao đất, cho thuê đất cho nhà đầu tư để thực hiện các dự án khác, tình hình vi phạm và chịu trách nhiệm về tính trung thực của thông tin kê khai.

- Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện các trình tự lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500; thỏa thuận đấu nối với các cơ quan quản lý chuyên ngành về giao thông, thủy lợi, cấp điện, cấp thoát nước... và các thủ tục liên quan theo quy định; Hoàn thiện hồ sơ thiết kế, dự toán (*hoàn thiện đầy đủ các thủ tục về phòng cháy chữa cháy, cấp thoát nước, thỏa thuận công trình thiết yếu,...*) trình cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án theo quy định.

Mục 2. Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm yêu cầu về năng lực tài chính và kinh nghiệm. Nội dung chi tiết theo Chương II – Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Mục 3. Làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

3.1. Trường hợp nhà đầu tư muốn được làm rõ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam bằng văn bản hoặc thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 05 ngày làm việc để xem xét, xử lý.

3.2. Sau khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ theo thời gian quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam tiến hành làm rõ và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm thì thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương này.

Mục 4. Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư

4.1. Trường hợp sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi trước ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tối thiểu 10 ngày.

4.2. Trường hợp thời gian thông báo sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm không đáp ứng quy định tại Mục 4.1 Chương này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam thực hiện gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tương ứng để bảo đảm quy định nêu trên. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại Mục 6.3 Chương này.

Mục 5. Ngôn ngữ sử dụng

E-HSĐKTHDA và tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam và nhà đầu tư liên quan đến việc mời quan tâm được viết bằng tiếng Việt đối với nhà đầu tư trong nước, tiếng Việt và tiếng Anh đối với nhà đầu tư quốc tế.

Mục 6. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thời hạn nộp

6.1. Hồ sơ đăng ký thực hiện dự án do nhà đầu tư chuẩn bị phải bao gồm các biểu mẫu và các tài liệu có liên quan theo quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

6.2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước 15h00 ngày 25/4/2023.

6.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam có thể gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trong các trường hợp sau đây:

a) Sửa đổi yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư theo quy định tại Mục 4 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

b) Cần tăng thêm số lượng nhà đầu tư theo quy định tại điểm b Mục 9.2 Chương này. Khi gia hạn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam gửi thông báo đến tất cả các nhà đầu tư đã nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án và thông báo trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thời gian gia hạn thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Mục 7. Sửa đổi, thay thế, rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

7.1. Sau khi nộp, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

7.2. Sau thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, nhà đầu tư không được rút hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đã nộp.

Mục 8. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

8.1. Làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án

Nhà đầu tư có trách nhiệm làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án theo yêu cầu của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam hoặc tự làm rõ, bổ sung tài liệu chứng minh tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm khi nhà đầu tư phát hiện hồ sơ đăng ký thực hiện dự án thiếu thông tin, tài liệu về năng lực, kinh nghiệm đã có của mình nhưng chưa được nộp cùng hồ sơ đăng ký thực hiện dự án. Tất cả yêu cầu làm rõ và văn bản làm rõ của nhà đầu tư được thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Văn bản làm rõ của nhà đầu tư chỉ được chấp thuận trong trường hợp được gửi thông qua Hệ thống trước thời điểm thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư. Trường hợp gửi văn bản làm rõ sau thời điểm thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm, văn bản làm rõ và thông tin, tài liệu kèm theo (nếu có) sẽ không được xem xét, đánh giá.

8.2. Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư căn cứ yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án của nhà đầu tư và các tài liệu làm rõ hồ sơ đăng ký thực hiện dự án (nếu có).

Mục 9. Thông báo kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư

9.1. Sau khi có kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của các nhà đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam đăng tải danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

9.2. Căn cứ kết quả đánh giá, theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP, trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, căn cứ tiến độ thực hiện dự án, mục tiêu thu hút đầu tư cũng như các điều kiện cụ thể khác của dự án, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định thực hiện theo một trong hai phương án như sau:

a) *Phương án 1:* Thông báo và hướng dẫn nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư nếu quá trình tổ chức đã bảo đảm tính công khai, minh bạch, cạnh tranh và dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ;

b) *Phương án 2:* Gia hạn thời gian đăng ký thực hiện dự án để các nhà đầu tư tiềm năng khác có cơ hội tiếp cận thông tin và nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án nhằm tăng tính cạnh tranh. Thời gian gia hạn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Nhà đầu tư đã đáp ứng yêu cầu không phải nộp lại hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.

Sau khi gia hạn, căn cứ kết quả đánh giá sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm, thủ tục tiếp theo thực hiện theo quy định tương ứng tại các khoản 4, 5 và 6 Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 108 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP*).

9.3. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đáp ứng yêu cầu, việc lựa chọn nhà đầu tư sẽ được thực hiện theo hình thức đấu thầu rộng rãi theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và khoản 3 Điều 108 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Hồ sơ mời thầu được phát hành rộng rãi cho các nhà đầu tư, gồm cả các nhà đầu tư ngoài danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm.

CHƯƠNG II

ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1. Phương pháp đánh giá

1.1. Việc đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư sử dụng phương pháp đánh giá đạt, không đạt. Nhà đầu tư được đánh giá là đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm khi tất cả các tiêu chuẩn được đánh giá là đạt.

1.2. Đối với nhà đầu tư liên danh:

a) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh. Đồng thời, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh được đánh giá là không đáp ứng thì nhà đầu tư liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu.

Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%.

b) Kinh nghiệm thực hiện dự án của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng số 01 dưới đây:

Bảng số 01

YÊU CẦU SƠ BỘ VỀ NĂNG LỰC, KINH NGHIỆM

TT	Nội dung	Yêu cầu
1	Năng lực tài chính	<p>- Vốn chủ sở hữu tối thiểu nhà đầu tư phải thu xếp⁽¹⁾: 499.535,4 triệu đồng (tối thiểu chiếm 15% tổng mức đầu tư).</p> <p>- Vốn vay tối đa mà nhà đầu tư phải huy động: : 2.830.700,6 triệu đồng.</p>
2	Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự ⁽²⁾	<p>Số lượng dự án mà nhà đầu tư hoặc thành viên tham gia liên danh hoặc đối tác cùng thực hiện đã tham gia với vai trò là nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu hoặc nhà thầu chính: 01 dự án loại 1 (hoặc số lượng dự án đảm bảo tương đương đối với loại 2, loại 3). Cách xác định dự án như sau ⁽³⁾:</p> <p>a) Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, nhà ở; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò nhà đầu tư góp vốn chủ sở hữu, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (từ năm 2018-2022)) và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:</p> <p>- Dự án có tổng mức đầu tư tối thiểu 1.665.118,0 triệu đồng (tối thiểu bằng 50% tổng mức đầu tư của dự án đang xét).</p> <p>- Dự án mà nhà đầu tư có phần giá trị vốn chủ sở hữu tối thiểu 249.767,7 triệu đồng (tối thiểu bằng 50% yêu cầu về vốn chủ sở hữu của dự án đang xét).</p>

TT	Nội dung	Yêu cầu
		<p>b) Loại 2: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, nhà ở; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; nhà ở thương mại mà nhà đầu tư đã tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (<i>05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (từ năm 2018-2022)</i>) và có giá trị tối thiểu là 696.764,0 triệu đồng (<i>tối thiểu bằng 30% giá trị chi phí xây dựng của dự án + thiết bị của dự án đang xét, không bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng</i>).</p> <p>c) Loại 3: Dự án trong lĩnh vực đầu tư xây dựng đầu tư xây dựng khu đô thị; khu dân cư; khu nhà ở có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, nhà ở; khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ; nhà ở thương mại mà đối tác tham gia với vai trò là nhà thầu chính xây lắp, đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn trong vòng 05 năm trở lại đây (<i>05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu (từ năm 2018-2022)</i>) và có giá trị tối thiểu là 696.764,0 triệu đồng (<i>tối thiểu bằng 30% giá trị chi phí xây dựng của dự án + thiết bị của dự án đang xét, không bao gồm chi phí lãi vay và dự phòng</i>).</p>

Ghi chú:

1) Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định trên cơ sở các số liệu tài chính của nhà đầu tư trong báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (*nếu có*). Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ

sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (*nếu có*), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

Tại thời điểm ký kết hợp đồng dự án, nhà đầu tư có trách nhiệm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phương án đảm bảo huy động đủ vốn chủ sở hữu và các tài liệu chứng minh đảm bảo đáp ứng yêu cầu về vốn chủ sở hữu theo quy định tại hợp đồng dự án.

Nhà đầu tư phải kê khai thông tin, cung cấp các tài liệu về năng lực tài chính theo Mẫu số 02 Chương III – Biểu mẫu.

(2) Kinh nghiệm của nhà đầu tư:

(i) Các dự án, gói thầu nhà đầu tư thực hiện phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết mới được xem xét, đánh giá.

(ii) Hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn: Dự án, gói thầu đã được nghiệm thu hạng mục công trình, công trình hoặc đang trong giai đoạn vận hành hoặc đã kết thúc theo quy định.

(3) Nhà đầu tư cung cấp kinh nghiệm của mình theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu. Nhà đầu tư chỉ được trích dẫn kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất. Trường hợp sử dụng đối tác, phải có thỏa thuận hợp tác được ký kết giữa nhà đầu tư đứng đầu liên danh và đối tác.

Cách thức quy đổi các dự án: 01 dự án thuộc loại 2 bằng 0,7 dự án thuộc loại 1; 01 dự án thuộc loại 3 bằng 0,5 dự án thuộc loại 1. Trong trường hợp số lượng dự án được quy đổi là số lẻ, số lượng dự án được làm tròn theo số nguyên (*Làm tròn lên nếu chữ số bên phải lớn hơn hoặc bằng 5, làm tròn xuống nếu chữ số bên phải nhỏ hơn 5*).

(4) (5) (6) Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng mức đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Thông tin về nhà đầu tư
2. Mẫu số 02: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
3. Mẫu số 03: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 04: Thỏa thuận liên danh

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CÁC ĐỐI TÁC CÙNG THỰC HIỆN

(Địa điểm)___, ngày___ tháng___ năm___

I. Thông tin về nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽¹⁾

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

II. Thông tin về các đối tác cùng thực hiện

TT	Tên đối tác ⁽²⁾	Quốc gia nơi đăng ký hoạt động	Vai trò tham gia ⁽³⁾	Người đại diện theo pháp luật	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với đối tác ⁽⁴⁾
1	Công ty 1		[Tổ chức cung cấp tài chính]		
2	Công ty 2		[Nhà thầu xây dựng]		
3	Công ty 3		[Nhà thầu vận hành/ Quản lý]		
				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này. Nhà đầu tư/thành viên liên danh cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

(2) Nhà đầu tư ghi cụ thể tên của các đối tác tham gia thực hiện dự án.

(3) Nhà đầu tư ghi cụ thể vai trò tham gia của từng đối tác.

(4) Nhà đầu tư ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận, kèm theo bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾**1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh⁽²⁾:**a) Tóm tắt các số liệu về tài chính⁽³⁾:

STT	Nội dung	Giá trị
I	Vốn chủ sở hữu cam kết sử dụng cho dự án	
II	Các số liệu về vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư	
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện ⁽⁴⁾ (không gồm vốn đã được giải ngân cho các dự án đang thực hiện) và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	

b) Tài liệu đính kèm⁽⁵⁾

- Báo cáo tài chính của nhà đầu tư năm gần nhất đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán (nếu có).

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được cơ quan kiểm toán độc lập kiểm toán trong khoảng thời gian kể từ thời điểm thành lập đến trước thời điểm đóng thầu hoặc Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm gần nhất trước thời điểm đóng thầu theo quy định của pháp luật đã được kiểm toán. Trường hợp đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ góp vốn chủ sở hữu thì đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án.

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài

chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác trong trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các số liệu, tài liệu cung cấp liên quan đến vốn chủ sở hữu, phân bổ vốn chủ sở hữu cho các dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn đang thực hiện. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 89 Luật Đấu thầu và bị loại.

(3) Thông tin về số liệu tài chính được đánh giá, xem xét trên cơ sở báo cáo tài chính và các tài liệu có liên quan do nhà đầu tư nộp.

(4) Trường hợp tại cùng một thời điểm nhà đầu tư tham gia đầu tư nhiều dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác (nếu có), nhà đầu tư lập danh mục dự án và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác, bảo đảm tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng đủ cho toàn bộ số vốn chủ sở hữu nhà đầu tư cam kết thực hiện cho tất cả các dự án và khoản đầu tư tài chính dài hạn khác theo quy định.

(5) Nhà đầu tư nộp bổ sung tài liệu để chứng minh năng lực tài chính: văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế và các tài liệu liên quan (*nếu có*) như biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế, tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử...

Mẫu số 03**KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯỞNG TỰ⁽¹⁾**

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

*[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên mời thầu]*1. Dự án số 01: ___ *[ghi tên dự án]*

Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh/đối tác cùng thực hiện dự án	
1	Số hợp đồng: _____ Ngày ký: _____
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Lĩnh vực đầu tư của dự án
4	Tham gia dự án với vai trò: <input type="checkbox"/> Nhà đầu tư độc lập <input type="checkbox"/> Thành viên liên danh <input type="checkbox"/> Nhà thầu chính xây lắp
5	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
6	Thông tin chi tiết
6.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn xây dựng, đã nghiệm thu hạng mục công trình <input type="checkbox"/> Đã nghiệm thu công trình <input type="checkbox"/> Đang trong giai đoạn vận hành <input type="checkbox"/> Đã kết thúc
	Tổng mức đầu tư (vốn đầu tư):
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang lựa chọn nhà đầu tư:

	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phần công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương . . . VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
6.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà thầu chính
	Phạm vi công việc tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽³⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: ___ [ghi tên dự án]

...

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(2), (3) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

THỎA THUẬN LIÊN DANH

(Địa điểm), ngày ___ tháng ___ năm ___

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ___ [*Ghi tên từng thành viên liên danh*]

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (*trường hợp được ủy quyền*).

Các bên (*sau đây gọi là thành viên*) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia đấu thầu dự án ___ [*ghi tên dự án*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ___ [*ghi tên của liên danh theo thỏa thuận*].

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia đấu thầu dự án.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ___ [*ghi tên một thành viên*] là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc trong quá trình hoàn thiện, nộp, làm rõ, sửa đổi hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh ⁽¹⁾[ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm góp vốn chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phần công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
3	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
.....				
Tổng			100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên mời thầu chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
 - Liên danh không đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm;
 - Chấm dứt việc công bố danh mục dự án;

Thỏa thuận liên danh được lập thành ___ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ ___ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự thầu 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư phải liệt kê vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.

(2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

(3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

